

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU

1.	LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI.....	10
2.	ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU.....	11
3.	PHẠM VI NGHIÊN CỨU CỦA ĐỀ TÀI.....	12
4.	PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU	13
	4.1 Phương pháp luận.....	13
	4.2 Phương pháp.....	14
5.	Ý NGHĨA THỰC TIỄN CỦA ĐỀ TÀI	15

CHƯƠNG I: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ LẠM PHÁT

1.1.	CÁC QUAN ĐIỂM VỀ LẠM PHÁT – ĐO LƯỜNG LẠM PHÁT	17
	1.1.1 Các quan điểm về lạm phát	17
	1.1.2 Đo lường lạm phát.....	18
1.2.	CÁC LOẠI LẠM PHÁT	19
	1.2.1 Lạm phát vừa phải.....	19
	1.2.2 Lạm phát cao.....	19
	1.2.3 Siêu lạm phát	19
1.3.	NGUYÊN NHÂN GÂY RA LẠM PHÁT	20
	1.3.1 Lạm phát cầu kéo	20
	1.3.2 Lạm phát chi phí đẩy	21
1.4.	HẬU QUẢ CỦA LẠM PHÁT	22
1.5.	CÁC NHÓM GIẢI PHÁP KIỂM CHẾ LẠM PHÁT Ở CÁC NƯỚC.....	25
	1.5.1 Nhóm giải pháp tác động vào tổng cầu.....	25
	1.5.2 Nhóm giải pháp tác động vào cung	25

CHƯƠNG II: TÌNH HÌNH LẠM PHÁT Ở VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM VỪA QUA

2.1	KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH LẠM PHÁT Ở VIỆT NAM TỪ NĂM 1976 ĐẾN NAY.....	27
-----	--	----

2.1.1	Khái quát tình hình lạm phát Việt Nam từ 1976 đến 1995.....	28
2.1.2	Khái quát tình hình lạm phát Việt Nam giai đoạn 1996 – 2000.....	30
2.1.3	Tình hình lạm phát Việt Nam giai đoạn 2001 – 6/2005	30
2.2	TÁC ĐỘNG CỦA LẠM PHÁT TỚI CÁC BIẾN SỐ KINH TẾ VĨ MÔ.....	34
2.2.1	Tác động của lạm phát đối với tăng trưởng kinh tế.....	34
2.2.2	Tác động của lạm phát đối với tỷ lệ thất nghiệp.....	38
2.2.3	Tác động của lạm phát đối với cán cân thanh toán.....	41
2.3	NHỮNG NGUYÊN NHÂN CƠ BẢN TÁC ĐỘNG TỚI LẠM PHÁT Ở VIỆT NAM.....	44
2.3.1	Xét trên góc độ cầu kéo	44
2.3.2	Xét trên góc độ chi phí đẩy.....	49
CHƯƠNG III: KIỂM SOÁT LẠM PHÁT GÓP PHẦN ỔN ĐỊNH KINH TẾ VĨ MÔ VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2006 – 2010		
3.1	ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ GIAI ĐOẠN 2006-2010 CỦA VIỆT NAM.....	55
3.2	ĐO LƯỜNG LẠM PHÁT Ở VIỆT NAM TRONG ĐIỀU KIỆN HIỆN NAY	56
3.2.1	Cách tính lạm phát hiện nay	56
3.2.2	Đo lường lạm phát ở Việt Nam bằng lạm phát cơ bản.....	59
3.2.3	Xác định lại rổ thị trường.....	61
3.3	CÁC GIẢI PHÁP KIỂM SOÁT LẠM PHÁT GÓP PHẦN ỔN ĐỊNH KINH TẾ VĨ MÔ VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2006-2010.....	61
3.3.1	Chính phủ kiểm soát lạm phát.....	62
3.3.2	Ngân hàng nhà nước trong việc kiểm soát lạm phát.....	74
3.3.3	Doanh nghiệp cũng phải tự chống lạm phát.....	82
KẾT LUẬN		85
PHỤ LỤC		87
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....		106

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

ADB	Ngân hàng phát triển Châu Á
CPI	Chỉ số giá tiêu dùng
CSTT	Chính sách tiền tệ
DNNN	Doanh nghiệp nhà nước
DTBB	Dự trữ bắt buộc
ĐTNN	Đầu tư nước ngoài
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội
NHNN	Ngân hàng nhà nước
NHTM	Ngân hàng thương mại
NHTƯ	Ngân hàng trung ương
NSNN	Ngân sách nhà nước
OTC	Thị trường phi tập trung
TCTD	Tổ chức tín dụng
TNQD	Thu nhập quốc dân
VND	Đồng Việt Nam
XDCB	Xây dựng cơ bản
XNK	Xuất nhập khẩu
UBND	Ủy ban nhân dân
USD	Đôla Mỹ
WEF	Diễn đàn kinh tế thế giới
WTO	Tổ chức thương mại thế giới

MỞ ĐẦU

1. LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI

Có thể nói lạm phát luôn là một vấn đề làm đau đầu các nhà hoạch định chính sách kinh tế. Nói lạm phát là một vấn đề cũ thì không có gì sai, bởi vì từ xưa tới nay, có rất nhiều nhà kinh tế đã gián tiếp hay trực tiếp đề cập đến nó, trong đó có những trí tuệ vĩ đại như CácMác, Fisher, Friedman... Song lạm phát lúc nào cũng là vấn đề mới cả, nó nóng bỏng từng ngày từng giờ, thay đổi liên tục, có khi tạm ổn định, có khi giảm xuống, có khi lên cơn sốt. Cho nên bàn về lạm phát trong thời điểm này tưởng chừng như đã quá muộn nhưng lại chưa trễ tí nào bởi vì trong mỗi thời kỳ, giai đoạn phát triển kinh tế, lạm phát có những sắc thái riêng, có sự biến động riêng, sự biến động của lạm phát có khi để lại âm hưởng khá lâu trong nền kinh tế. Và nhất là trong tình hình hiện nay, trong năm 2004 vừa qua, chỉ số giá tiêu dùng của nước ta tăng 9,5%, có người nói chúng ta lên cơn sốt lạm phát và lo quỳnh lo quáng lên, có người nói chúng ta chưa lạm phát mặc dù chỉ số giá này đã tăng vượt quá ngưỡng mục tiêu đề ra ban đầu (4-5%). Diễn biến tình hình thay đổi của chỉ số giá tiêu dùng nước ta đã làm hao tổn không biết bao nhiêu giấy mực của các nhà hoạch định, nhà nghiên cứu, một thống kê cho biết thuật ngữ lạm phát là một trong những thuật ngữ được đề cập đến nhiều nhất trên các trang báo trong thời gian gần đây.

Vậy nền kinh tế nước ta trong năm 2004 và những năm trước đó có lạm phát hay không, và nếu có là bao nhiêu, là cao hay thấp, mức lạm phát đó có ảnh hưởng như thế nào đến nền kinh tế, những nguyên nhân nào gây ra lạm phát ở nước ta... là những vấn đề cần phải làm sáng tỏ, để trên cơ sở đó đề xuất những giải pháp thích hợp kiểm soát lạm phát góp phần thực hiện thắng lợi Chiến lược phát triển kinh tế – xã hội 10 năm 2001-2010 mà Đại hội IX của

Đảng đã đề ra.

Vì vậy, mặc dù lạm phát là một vấn đề phức tạp, thường xuyên biến động, có liên quan đến nhiều lĩnh vực nhưng với mong muốn bằng những kiến thức đã học được để đưa ra được những giải pháp, có thể có những giải pháp mới chỉ dừng lại ở những ý tưởng, nhằm kiểm soát lạm phát tốt hơn góp phần vào mục tiêu nêu trên nên em quyết định chọn lạm phát làm đề tài luận văn tốt nghiệp cao học kinh tế.

2. ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU

Xuất phát từ lý do như trên, đề tài đi vào nghiên cứu những vấn đề sau:

Thứ nhất, làm rõ những quan điểm, lý luận về lạm phát, từ đó xem xét những quan điểm nào được vận dụng phổ biến và phù hợp với nền kinh tế Việt Nam.

Thứ hai, khái quát lại tình hình lạm phát của Việt Nam từ sau khi thống nhất đến nay (từ 1976), đặc biệt là giai đoạn 2001-6/2005.

Thứ ba, chỉ ra được ảnh hưởng của lạm phát tới 3 biến số kinh tế vĩ mô quan trọng còn lại trong tứ giác kinh tế¹, đó là tăng trưởng kinh tế, tỷ lệ thất nghiệp và cán cân thanh toán (đối với các biến số khác mà lạm phát có mối quan hệ mật thiết như lãi suất, tỷ giá hối đoái...trong phạm vi luận văn chưa đi vào nghiên cứu). Đồng thời, bước đầu xem xét mối quan hệ hồi qui giữa lạm phát với ba biến số trên, và đi tìm một ngưỡng lạm phát mà ở đó khi lạm phát tăng lên quá ngưỡng đó thì có ảnh hưởng không tốt tới tăng trưởng kinh tế.

¹ Tuy không nói ra, nhưng mục tiêu chung của mọi quốc gia đều xoay quanh 4 con số trụ cột: tăng trưởng kinh tế, lạm phát, thất nghiệp và cán cân thanh toán. Các chuyên gia kinh tế quốc tế đã một cách hình tượng 4 con số trên là 4 đỉnh của tứ giác – tứ giác kinh tế.

Thứ tư, trên cơ sở diễn biến tình hình lạm phát ở nước ta rút ra được những nguyên nhân cơ bản nào tác động tới lạm phát ở nước ta. Ngoài những nguyên nhân cơ bản được phân tích trong bài, luận văn cũng bước đầu hệ thống các nguyên nhân gây ra lạm phát ở nước ta theo nhiều hướng khác nhau.

Thứ năm, xem xét lại cách đo lường lạm phát ở nước ta hiện nay, từ đó rút ra những hạn chế để đề xuất một cách đo lường tốt hơn.

Thứ sáu, đề xuất các giải pháp nhằm kiểm soát lạm phát để ổn định kinh tế vĩ mô giai đoạn 2006-2010, góp phần thực hiện thắng lợi Chiến lược phát triển kinh tế – xã hội 10 năm 2001 – 2010.

3. PHẠM VI NGHIÊN CỨU CỦA ĐỀ TÀI

Để giải quyết những vấn đề đặt ra ở trên, luận văn cần trả lời được những câu hỏi như sau:

Một là, nền kinh tế Việt Nam có bị lạm phát hay không, trong đó tập trung vào trả lời cho giai đoạn 2001 – 2004, nổi lên là năm 2004, mà cho đến nay vẫn còn hai luồng ý kiến trái ngược nhau.

Hai là, lạm phát có ảnh hưởng như thế nào đối với tăng trưởng kinh tế, tỷ lệ thất nghiệp và cán cân thanh toán? Phương trình hồi qui xác định mức độ tương quan giữa lạm phát với các nhân tố trên như thế nào?

Ba là, có tồn tại một ngưỡng lạm phát ở nước ta hay không? Nếu có thì ngưỡng đó là bao nhiêu?

Bốn là, những nguyên nhân chủ yếu nào gây ra lạm phát ở Việt Nam thời gian qua?

Năm là, cách tính lạm phát ở Việt Nam hiện nay có phù hợp với điều kiện kinh tế – xã hội ở nước ta nữa hay không? Nếu không thì nên chọn cách tính nào khác (bước đầu đối chiếu với cách tính lạm phát của một số nước trên thế giới). Nếu còn phù hợp thì có phải điều chỉnh gì không?

Sáu là, lạm phát ở Việt Nam có chịu ảnh hưởng bởi những biến động kinh tế khu vực và thế giới hay không?

4. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

4.1 Phương pháp luận

Do vấn đề lạm phát có liên quan mật thiết đến nhiều vấn đề khác như tỷ giá, lãi suất, tăng trưởng kinh tế, thất nghiệp, cán cân thanh toán...thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau như tài chính nhà nước, tín dụng ngân hàng...nên khi nghiên cứu lạm phát phải đặt trong mối quan hệ tương hỗ qua lại giữa các yếu tố trên, giữa các lĩnh vực trên. Do vậy, phương pháp luận chủ đạo của luận văn là vận dụng **phép duy vật biện chứng**.

Tuy nhiên, trong phạm vi một luận văn để đơn giản vấn đề nghiên cứu, luận văn chỉ đi vào nghiên cứu sự tác động của lạm phát lên các yếu tố khác, hoặc tác động của các nhân tố đến lạm phát, tức là nghiên cứu sự tác động một chiều, và trong khi nghiên cứu yếu tố nào thì các yếu tố khác được giả định là không đổi theo **nguyên tắc ceteribus**.

Tuy nhiên vận dụng phương pháp nghiên cứu như thế nào đi nữa thì cũng không thể xa rời, thoát ly khỏi thực tiễn, do vậy phải căn cứ vào tình hình thực tiễn kinh tế – xã hội và định hướng phát triển kinh tế – xã hội Việt Nam của Đảng làm kim chỉ nam cho mọi vấn đề khi đó giải pháp đưa ra mới phù hợp “ý Đảng lòng dân” do vậy phương pháp luận của luận văn là **vận dụng quan điểm đường lối của Đảng về chiến lược phát triển kinh tế – xã hội 10 năm 2001-2010**.

4.2 Phương pháp

Trên cơ sở các phương pháp luận chủ đạo, trước tiên luận văn đi vào thu thập các số liệu về lạm phát, tăng trưởng kinh tế... và các số liệu cần thiết khác

cho nghiên cứu. Do vậy, phương pháp nghiên cứu của luận văn là **phương pháp nghiên cứu tại bàn, phương pháp thống kê**, sưu tầm các số liệu được phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng, đặc biệt là từ các bộ, ban, ngành. Công việc này tiến hành qua 2 bước như sau:

- Thống kê các số liệu cần thiết cho nghiên cứu như tỷ lệ lạm phát, tỷ lệ thất nghiệp, tốc độ tăng trưởng kinh tế...qua các năm từ 1976 đến 6/2005 (có thể một số năm không có số liệu).
- Tùy vào mục đích nghiên cứu mà trích lọc số liệu theo từng giai đoạn khác nhau.

Dựa trên số liệu thống kê có được, luận văn sử dụng các **phương pháp phân tích, tổng hợp, hồi qui, đồ thị có sự hỗ trợ của máy tính** để xử lý và biểu diễn số liệu có được theo các nội dung cần thiết. Riêng trong phương pháp hồi qui tác giả chọn sai số cho phép là 5% (độ tin cậy đạt 95% trong các phân tích). Nếu phân tích hồi qui cho kết quả nhưng không đảm bảo độ tin cậy thì kết luận kết quả hồi qui không có ý nghĩa về mặt thống kê. Cũng trong phương pháp hồi qui, để đơn giản dãy số phân tích nhưng vẫn đảm bảo độ tin cậy, tác giả chọn số liệu trong vòng 10 năm từ 1996 đến 6/2005 để chạy hàm hồi qui, tuy nhiên ***chuỗi số liệu có thể mở rộng ra hoặc thu hẹp lại trong từng tình huống nghiên cứu.***

Để có thể thấy được vấn đề nghiên cứu thay đổi như thế nào qua thời gian, luận văn sử dụng **phương pháp so sánh – đối chiếu** nhằm xem xét vấn đề trong mối tương quan, so sánh đối chiếu giữa những thời kỳ khác nhau.

Ngoài ra, để mở xẻ vấn đề nghiên cứu một cách tỉ mỉ, luận văn sử dụng **phương pháp nghiên cứu liên ngành**: xem xét, nghiên cứu vấn đề dưới nhiều góc độ từ nhiều ngành khác nhau.

Do bản chất nghiên cứu khoa học bao giờ cũng có **tính kế thừa**, nên trong

luận văn có vận dụng kết quả nghiên cứu của một số chuyên gia về các vấn đề có liên quan.

Cuối cùng, một phương pháp khác không kém phần quan trọng là **phương pháp chuyên gia**: tìm hiểu vấn đề thông qua hình thức thu thập ý kiến của những người có nhiều kinh nghiệm (đặc biệt là các thầy cô giảng viên), am tường trên từng lĩnh vực để từ đó rút ra những kết luận xác thực.

5. Ý NGHĨA THỰC TIỄN CỦA ĐỀ TÀI

Trong bối cảnh khu vực và thế giới có nhiều bất ổn do chiến tranh, xung đột, thiên tai đặc biệt là nạn khủng bố thì Việt Nam trong những năm gần đây được xem là điểm đến an toàn nhất, có tình hình chính trị ổn định nhất. Nếu như chúng ta tạo được một sự ổn định nữa về mặt kinh tế thì khả năng thu hút đầu tư nước ngoài là rất lớn, nhưng trước hết là tạo được một tâm lý ổn định trong nước, khuyến khích mọi tầng lớp dân cư an tâm làm ăn lâu dài vì quốc kế dân sinh từ đó góp phần vào việc phát triển kinh tế một cách ổn định, bền vững.

Để tạo được một sự ổn định về kinh tế, cần phải thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ trên mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế – xã hội. Trong đó, một trong những vấn đề quan trọng hàng đầu đặt ra là phải ổn định nền tài chính tiền tệ của quốc gia mà nổi lên là vấn đề kiểm soát lạm phát, ổn định giá trị tiền tệ để tăng trưởng ổn định, bền vững và có hiệu quả.

Nếu như đúng theo lộ trình đặt ra thì cuối năm nay (2005), Việt Nam sẽ chính thức gia nhập tổ chức thương mại quốc tế (WTO). Như vậy, sau khu vực mậu dịch tự do Đông Nam Á (AFTA), hiệp định thương mại Việt – Mỹ (BTA) rồi đến WTO, mức độ hòa nhập vào nền kinh tế thế giới của nước ta rộng hơn bao giờ hết, mà như thế thì nền kinh tế nước ta cũng phải gánh chịu những tác động của kinh tế khu vực và thế giới ở một mức độ cao hơn bao giờ hết. Chỉ mới có sự lên xuống của giá dầu, giá vàng, giá đôla Mỹ...trong thời gian qua đã